



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Hải Phòng

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.0%	-	1.0%

DT thuần Q4/25
1.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.33 238%
YoY: ▲ 1.89

LN thuần Q4/25
0.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.53 593%
YoY: ▲ 0.19 45.0%

LN sau thuế Q4/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.94 -100%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
199%
YoY: +/-▼ 423%

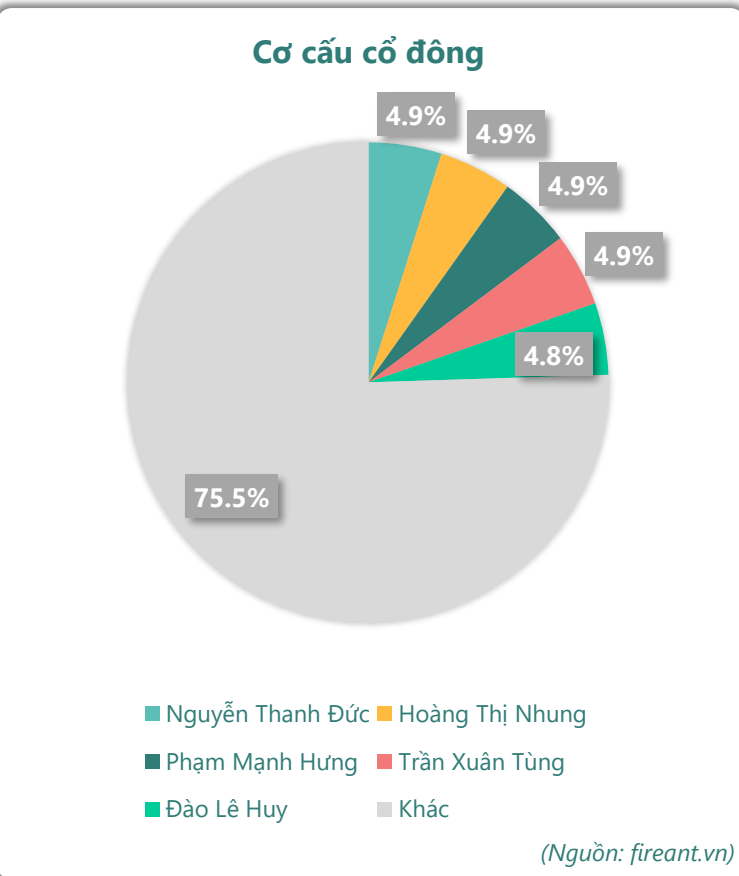
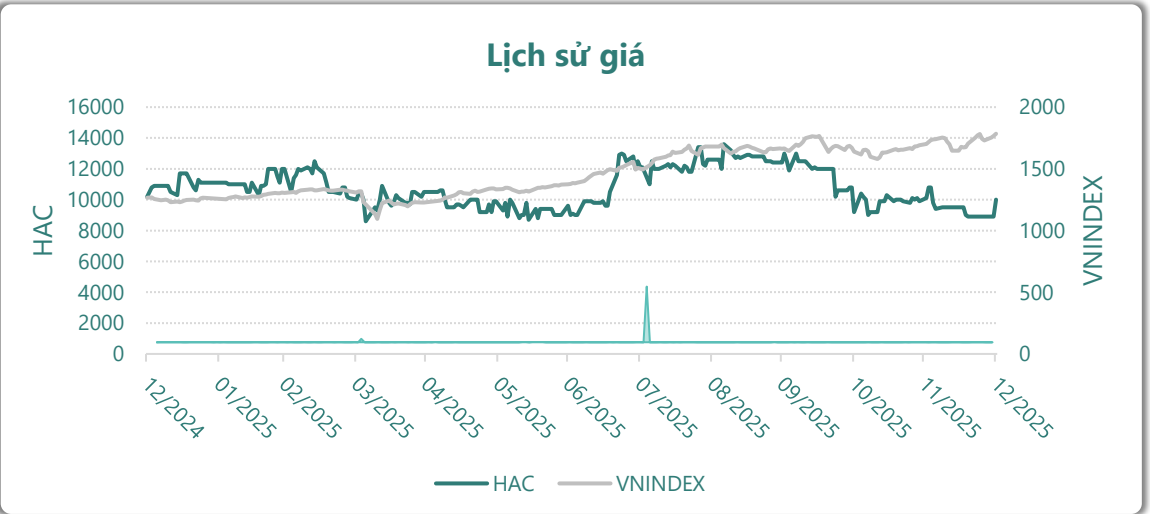
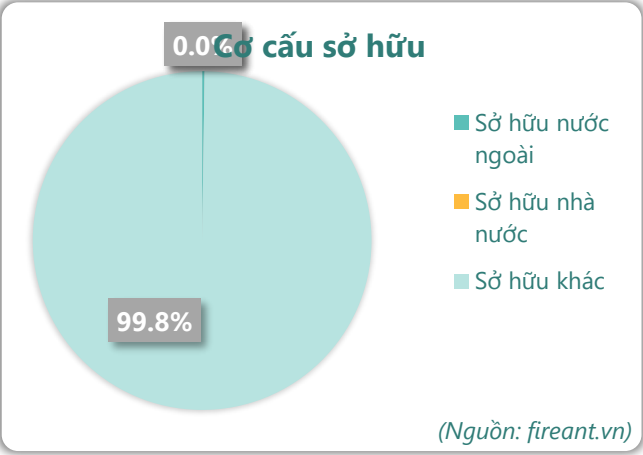
ROE 2025

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,600 - 13,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	292
Số lượng CPLH (CP)	29,176,390
KLGD BQ 20 phiên (CP)	205
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.08
EPS	1,540
P/E	6.5

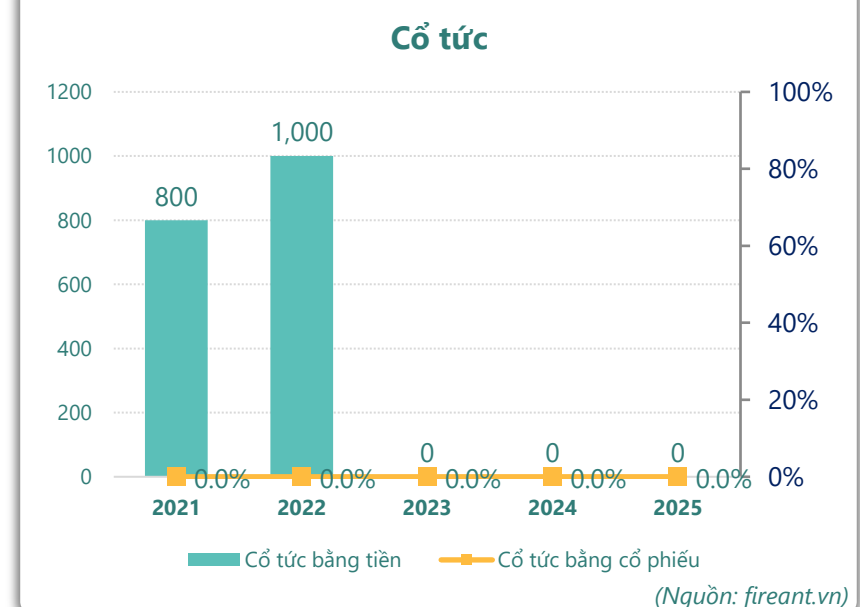
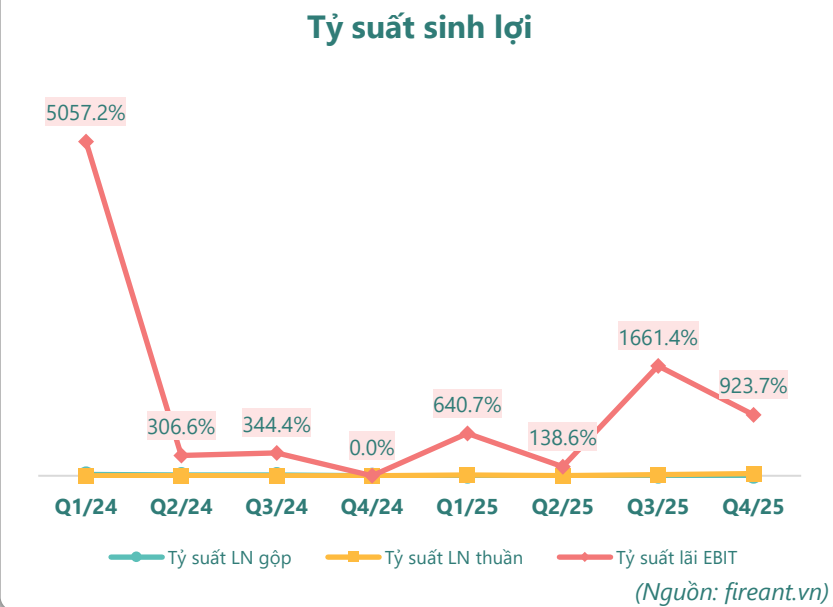
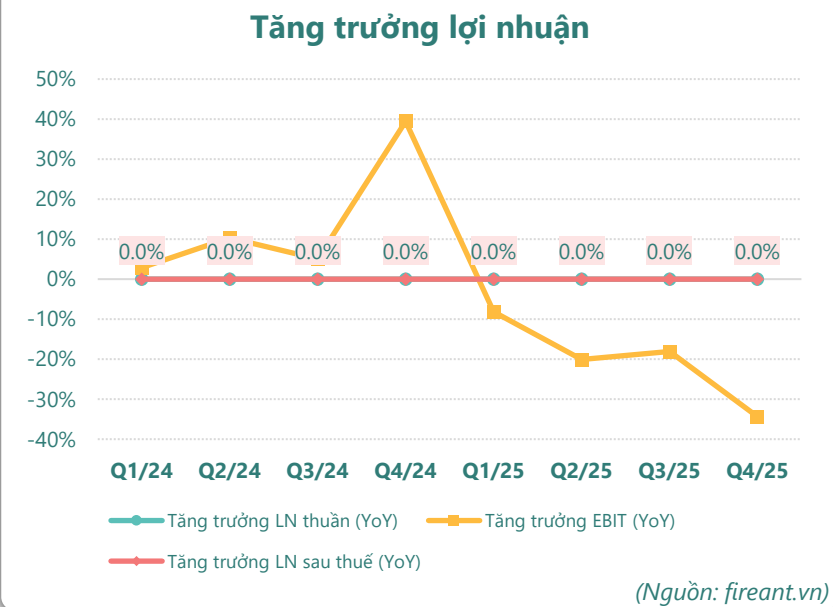
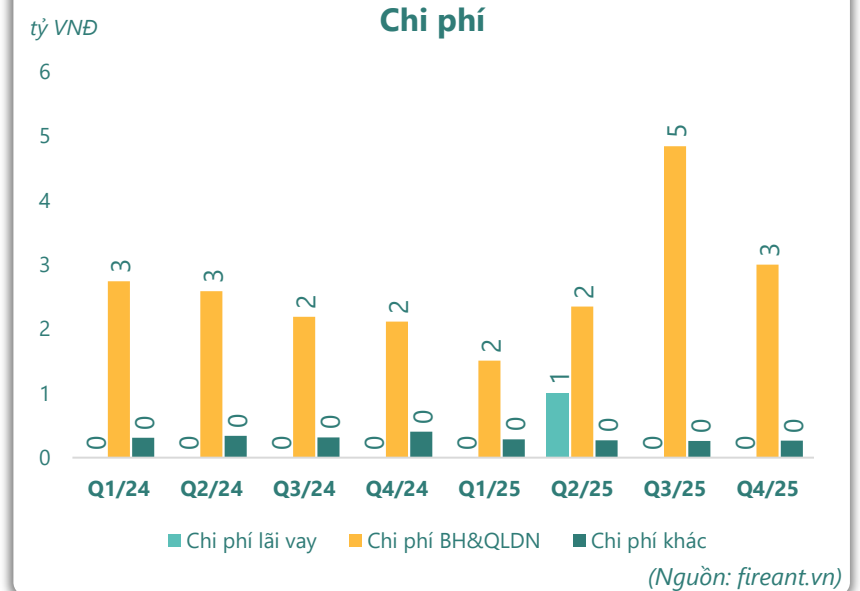
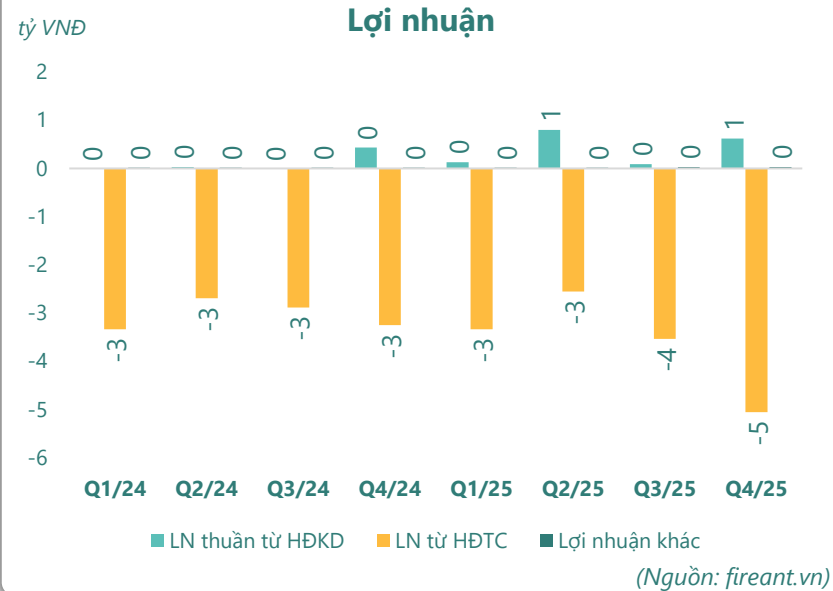
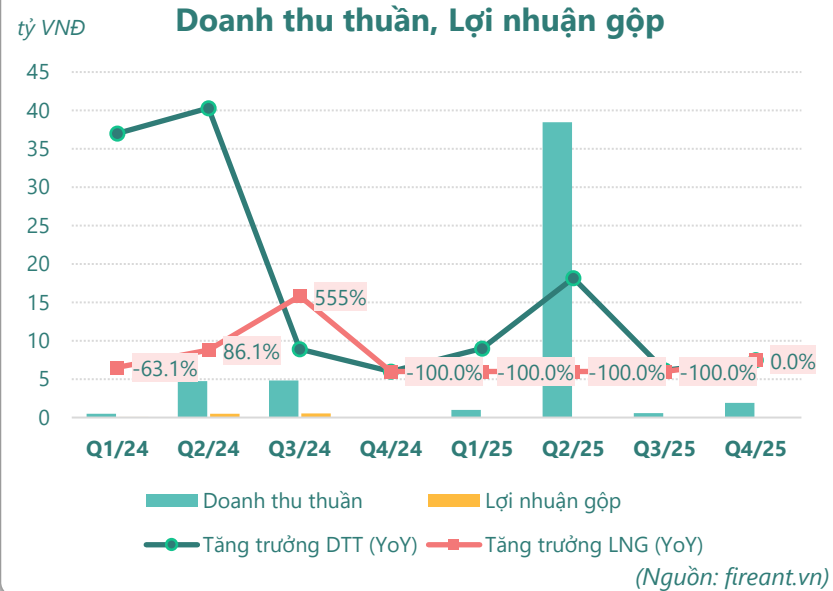
DT thuần 2025
42.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.8 327%

LN thuần 2025
1.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.17 253%

LN sau thuế 2025
6.98
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.39 -16.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH



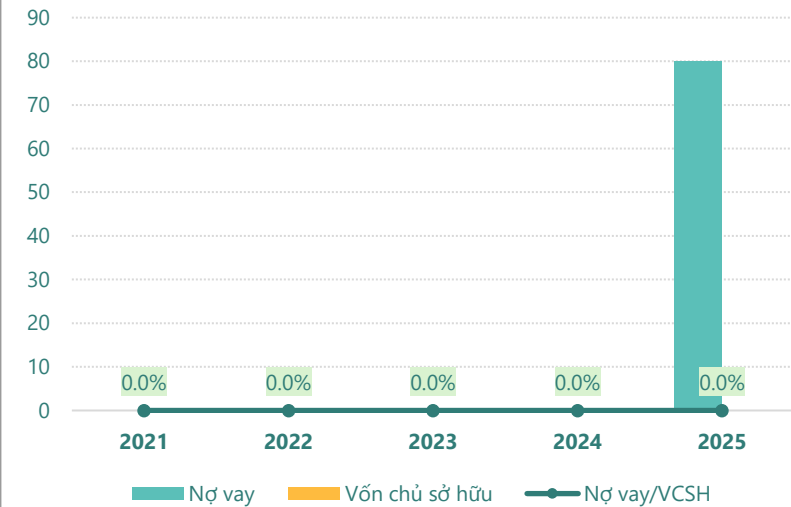
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

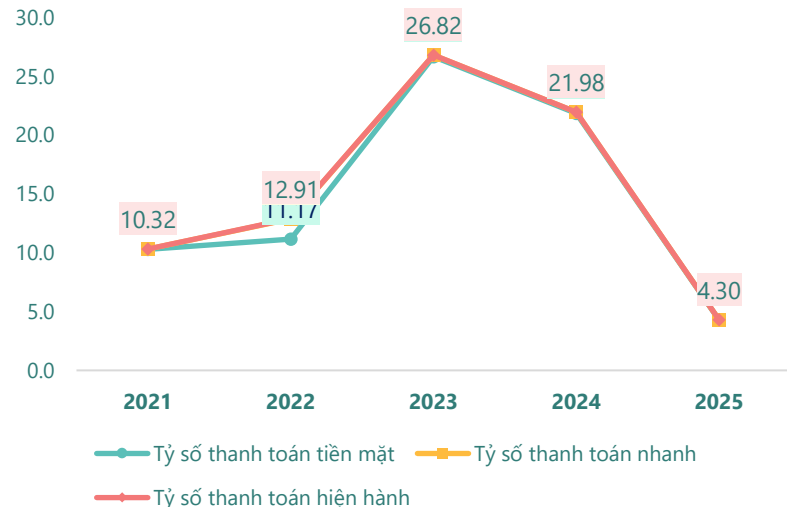
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



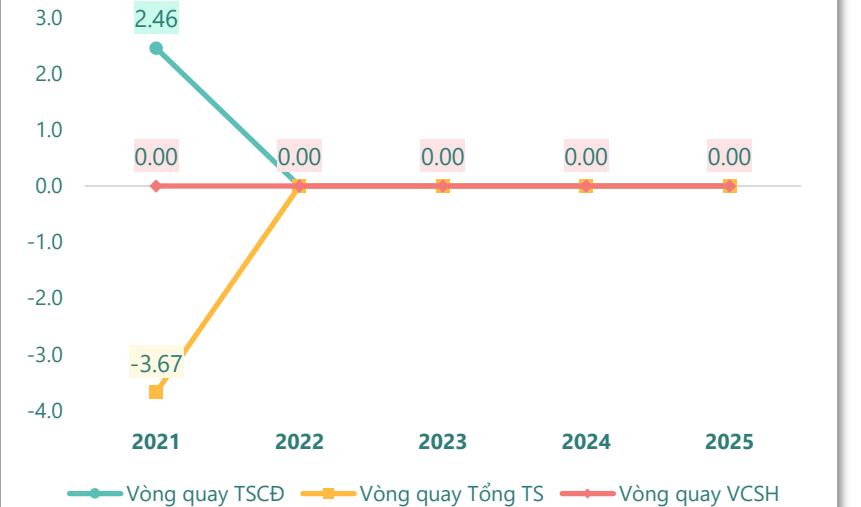
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



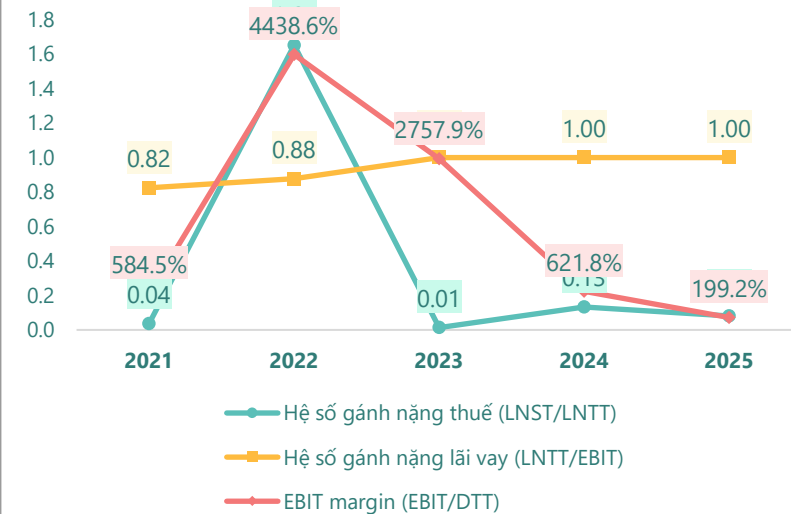
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



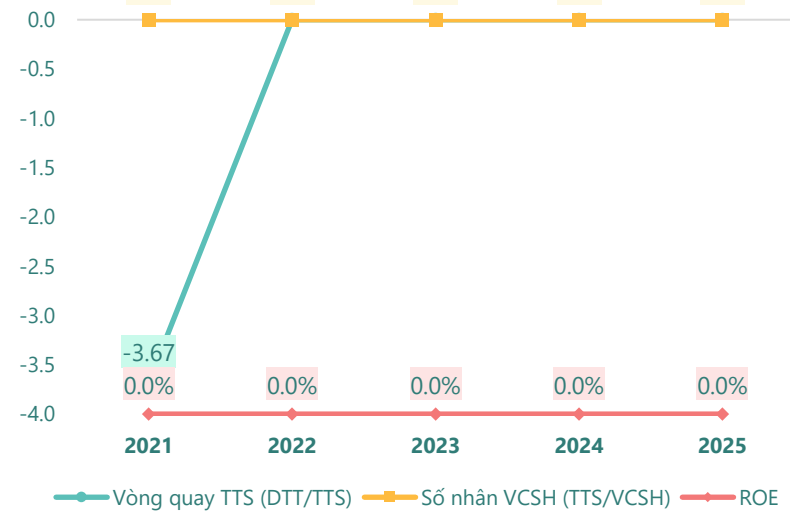
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



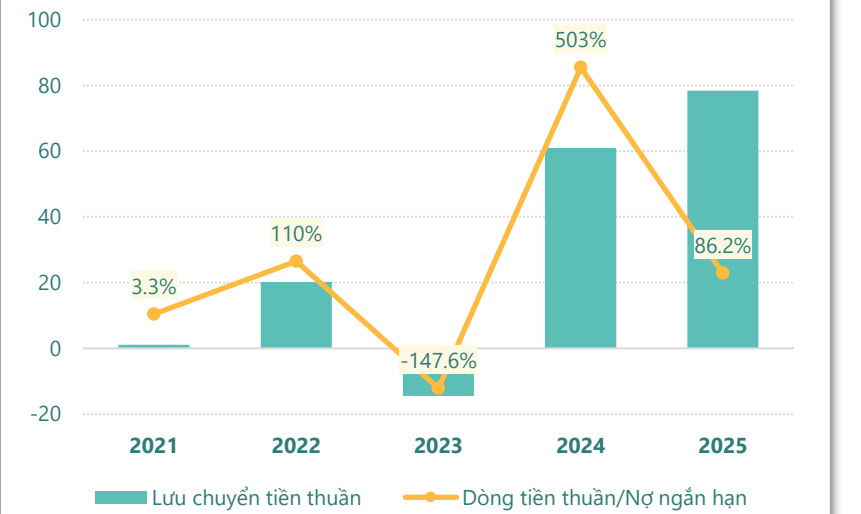
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.89	0.00		42.9	10.1	327%
Giá vốn hàng bán	6.60	0.00		13.6	26.5	-48.6%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.00		0.00	1.13	-100.0%
Doanh thu HĐTC	0	0.00		0	0.60	-100%
Chi phí TC	5.06	3.25	55.7%	14.5	12.8	13.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.00	2.12	41.6%	11.7	9.64	21.5%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	0.62	0.43	45.0%	1.64	0.47	253%
Lợi nhuận khác	0.03	0.02	56.2%	0.09	0.07	38.2%
LN trước thuế	17.5	6.23	180%	85.5	62.6	36.7%
Lợi nhuận sau thuế	0	0.00		6.98	8.37	-16.6%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.0	36.8	62.2	-59.5	-12.5	8.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.57	-3.30	0	0.32	0.06	-0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-0.01	33.9	-14.4	31.1	29.3
Tiền đầu kỳ	91.1	35.6	69.1	165	91.6	110
Lưu chuyển tiền thuần	-55.4	33.5	96.1	-73.6	18.7	37.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.6	69.1	165	91.6	110	147

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	391	266	46.9%
Tiền và tương đương tiền	389	265	46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	20.0	500%
Phải thu ngắn hạn	0	54.0	-100%
Hàng tồn kho	0.07	0.16	-59.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0.90	0.56	59.0%
Phải thu dài hạn	0.46	0.20	135%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.5	19.5	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.55	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.9	12.1	650%
Nợ ngắn hạn	90.9	12.1	650%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

